

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2022

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo và bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Tống Chí M, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số nhà 8/19Đ, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: bà Trần Y, sinh năm 1961;

Địa chỉ: khu 3, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2021 và ý kiến của nguyên đơn ông Tống Chí M trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:***

Nguyên đơn ông Tống Chí M và bị đơn bà Trần Y tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 10 năm 1985.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 1990, có 02 người con là Tống M T, sinh năm 1982 và Tống Thanh P, sinh năm 1984. Trong khoảng thời gian sống chung có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng không còn tình

cảm, trách nhiệm trong mối quan hệ hôn nhân gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1991.

Vợ chồng các đương sự không có nợ chung, các con đã thành niên là những người bình thường, về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung đã nhiều năm nên không còn tình yêu thương. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

** Từ ngày nguyên đơn khởi kiện vụ án đến ngày hôm nay thì bị đơn là bà Trần Y không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đã không đồng ý nhận tài liệu chứng cứ trong vụ án được Tòa án gửi đến bị đơn để được biết.*

* Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn gửi đến Tòa án: Đơn khởi kiện, giấy chứng M nhân dân, sổ hộ khẩu; giấy khai sinh các con; trích lục kết hôn đối với vợ chồng các đương sự và đơn đề nghị không tiến hành hoà giải tại T tâm hoà giải đối thoại tại Toà án;

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã xác M thu được các tài liệu: Biên bản xác M của Tòa án, văn bản tự khai của nguyên đơn; văn bản đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, tài liệu đã mở phiên họp công khai tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án, Thông báo kết quả phiên họp công khai tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến nguyên đơn, bị đơn được biết để các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của luật.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng, công khai chứng cứ, hoà giải, xác M thu thập chứng cứ đúng quy định theo Điều 93 đến Điều 97, Điều 203 Điều 209 đến Điều 211, khoản 2 Điều 220, Điều 170 đến Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự (bị đơn từ chối quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự).

- Quan điểm giải quyết vụ án: xét thấy hôn nhân của ông Tống Chí M và bà Trần Y là hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện, chung sống phát sinh mâu thuẫn mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ chấp nhận. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án tuyên ông Tống Chí M được ly hôn bà Trần Y; về án phí: đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Ông Tống Chí M khởi kiện vụ án yêu cầu ly hôn đối với người bị kiện bà Trần Y thì ông M là nguyên đơn, bà Y là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân và gia đình của ông Tống Chí M và bà Trần Y được xác lập năm 1985, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vợ chồng ông Tống Chí M và bà Trần Y tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn trong năm 1985 là phù hợp Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 1959, quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp.

Xét ý kiến yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa là chứng cứ chứng M: Vợ chồng các đương sự có nhiều mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân, không còn trách nhiệm giúp đỡ trong mối quan hệ của vợ chồng nên không còn sống chung gia đình từ năm 1991 đến nay. Các đương sự đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác đối với bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng nhằm giải quyết tranh chấp trong vụ án để tiếp tục xây dựng hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các con của các đương sự đã thành niên là người bình thường, vợ chồng các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không có khởi kiện. Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: nguyên đơn ông Tống Chí M khởi kiện yêu cầu về ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Tống Chí M:

Ông Tống Chí M được ly hôn đối với bà bà Trần Y;

Đến nay các đương sự không khởi kiện về con, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Nguyên đơn ông Tống Chí M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003898 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh cửu;
- UBND (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại